

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ML
TỈNH SL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày 13-5-2021.
V/v: Ly hôn giữa chị H và anh
T.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Ông Quàng Văn Mãng.

2 – Bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Quàng Công Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 13/5/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 30/3/2021 về việc: Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị CTH, sinh 1987, trú tại: Bản CL, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh CVT, sinh 1987, trú tại: Bản CL, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện ML, tỉnh SL.

Người đại diện hợp pháp: Ông NTT, giám đốc Ngân hàng là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt.

Bà LTK, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

Bà NTHV, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

Anh LVK, trú tại: Bản NN, xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt.

Bà NTC, trú tại: TK2, xã MB, huyện ML, tỉnh SL. Có đề nghị xử vắng mặt. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/3/2021 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị CTH trình bày:

Chị và anh CVT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 27/8/2012 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MC, huyện ML, tỉnh SL. Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh CVT không chăm lo xây dựng gia đình đi vào con đường ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên can nhưng không khắc phục được. Từ đó hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị CTH xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh CVT.

Về con chung: Có hai con là Cà Văn Duy, sinh ngày 21/10/2005 và Cà Thị Giang, sinh ngày 11/5/2007. Nguyên vọng chị muốn được nuôi con Cà Thị Giang, đề nghị theo nguyện vọng của con. Đề anh CVT nuôi con Cà Văn Duy, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai người đã thỏa thuận trả nợ như sau:

Chị CTH có trách nhiệm thanh toán trả cho:

Anh LVK, trú tại: Bản NN, xã MC, huyện ML số tiền 35.000.000, đồng;

Bà NTHV, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL số tiền 1.000.000, đồng;

Bà LTK, trú tại: Bản MK, xã MC, huyện ML, tỉnh SL số tiền 4.000.000, đồng;

Anh CVT có trách nhiệm thanh toán trả cho:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện ML số tiền 10.000.000, đồng;

Bà NTC, trú tại: TK2, xã MB, huyện ML, tỉnh SL số tiền 35.000.000, đồng.

Bị đơn anh CVT trình bày:

Anh xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị CTH, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh đồng ý ly hôn chị CTH.

Về con chung: Có hai con là Cà Văn Duy, sinh ngày 21/10/2005 và Cà Thị Giang, sinh ngày 11/5/2007. Nguyên vọng anh muốn được nuôi con Cà Văn Duy. Đề chị CTH nuôi con Cà Thị Giang, đề nghị theo nguyện vọng của con, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai người đã thỏa thuận trả nợ và anh đồng ý với ý kiến của chị CTH như trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện ML trình bày: Tính đến ngày 05/5/2021 anh CVT và chị CTH còn nợ số tiền gốc là 10.000.000, đồng theo hợp đồng tín dụng số LAV201500936, mã khách hàng 7905235459624. Nay hai người ly hôn Ngân hàng nhất trí để anh CVT là người có trách nhiệm thanh toán trả nợ gốc và lãi phát sinh;

Bà LTK trình bày: Gia đình bà cho hai vợ chồng chị CTH, anh CVT vay số tiền 6.700.000, đồng nay chị CTH đã trả được 2.000.000, đồng còn 4.700.000, đồng nay không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bà NTHV trình bày: Gia đình bà cho hai vợ chồng chị CTH, anh CVT vay số tiền 1.000.000, đồng nay chị CTH đã trả được 1.000.000, đồng không còn nợ, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Anh LVK trình bày: Gia đình anh cho hai vợ chồng chị CTH, anh CVT vay số tiền 35.000.000, đồng nay chị CTH đã trả được 35.000.000, đồng không còn nợ, nay không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bà NTC trình bày: Gia đình anh cho hai vợ chồng chị CTH, anh CVT vay số tiền 70.000.000, đồng vào ngày 23/9/2018, chị CTH đã trả được 35.000.000, đồng còn nợ lại 35.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn, nhất trí yêu cầu anh CVT là người có trách nhiệm thanh toán trả nợ 35.000.000, đồng và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tổ tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ xử cho chị CTH được ly hôn anh CVT.

Về con chung: Giao cho chị CTH trực tiếp nuôi con Cà Thị Giang, sinh ngày 11/5/2007. Anh CVT trực tiếp nuôi con Cà Văn Duy, sinh ngày 21/10/2005. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:

Anh CVT có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện ML số tiền gốc 10.000.000, đồng (mười triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LAV201500936, mã khách hàng 7905235459624;

Bà NTC số tiền 35.000.000, đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi và lãi chậm trả.

Chấp nhận những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà LTK, bà NTHV, anh LVK đều không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Chị CTH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các đương sự sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã khai trình bày nguyện vọng, đều có đề nghị được xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà LTK, bà NTHV, anh LVK đều không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Căn cứ Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án không giải quyết phần nợ nêu trên trong vụ án này. Các đương sự có quyền yêu cầu và được giải quyết bằng vụ án khác.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị CTH và anh CVT có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do không hợp nhau, anh CVT không chăm lo xây dựng gia đình đi vào con đường ma túy. Hai người đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị CTH và anh CVT đã được gia đình khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị CTH yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị CTH được ly hôn anh CVT.

[3] Về con chung: Căn cứ nguyện vọng của hai cháu đều phù hợp với yêu cầu của chị CTH và anh CVT, cần giao cho chị CTH trực tiếp nuôi con Cà Thị Giang, sinh ngày 11/5/2007. Anh CVT trực tiếp nuôi con Cà Văn Duy, sinh ngày 21/10/2005. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Do các đương sự thống nhất được việc trả nợ cần chấp nhận:

Chị CTH đã trả cho bà LTK được 2.000.000, đồng còn nợ 4.700.000, đồng; đã trả cho bà NTHV 1.000.000, đồng; đã trả cho anh LVK 35.000.000,

đồng. Và họ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này cần chấp nhận.

Anh CVT có trách nhiệm thanh toán trả cho:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện ML số tiền gốc 10.000.000, đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LAV201500936, mã khách hàng 7905235459624;

Bà NTC số tiền 35.000.000, đồng và không yêu cầu tính lãi, kể cả lãi chậm trả.

Chị CTH chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị CTH được ly hôn anh CVT.

2. Về con chung: Giao cho chị CTH trực tiếp nuôi con Cà Thị Giang, sinh ngày 11/5/2007. Anh CVT trực tiếp nuôi con Cà Văn Duy, sinh ngày 21/10/2005. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung:

Anh CVT có trách nhiệm thanh toán trả nợ cho:

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện ML số tiền gốc 10.000.000, đồng (mười triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LAV201500936, mã khách hàng 7905235459624;

Bà NTC số tiền 35.000.000, đồng (ba mươi lăm triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi và lãi chậm trả.

5. Về án phí:

Chị CTH phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000, đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002159 ngày 30/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Chi cục THADS huyện ML;
- UBND xã MC, huyện ML
(để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (8);
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nguyễn Minh Tuấn